

Bản án số: 04/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 06/5/2025

“*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thoa;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trương Vương Băng B, sinh năm 2006

Địa chỉ: A P, thôn I, xã T, Tp ., tỉnh Gia Lai. Có mặt

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Vương Băng B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Vương Băng B và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ tháng 4/2023, đến ngày 06/5/2024 chị với anh L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống chị với anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống và thiếu tôn trọng lẫn nhau, từ khi chị mang thai đến khi sinh con, anh L không quan tâm gì đến vợ con mà bỏ mặc chị muốn làm gì thì làm, hơn nữa trong cuộc sống thường ngày chị với anh L thường xuyên cãi vã, tranh luận gay gắt với nhau từ những việc nhỏ nhặt nhất trong cuộc sống thường ngày, dẫn đến không khí trong gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 8/2024 đến nay, chị không chịu nổi áp lực nên chị và anh L đã sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Chị B và anh L có 01 con chung là Nguyễn Ái M, sinh ngày 05/11/2023. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con là tùy vào anh L.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Trương Vương Băng B không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tấn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Trương Vương Băng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Vương Băng B và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/5/2024. Nên hôn nhân giữa chị B và anh L là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, chị B cho rằng chị với anh L thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và thiếu tôn trọng lẫn nhau, từ khi chị mang thai đến khi sinh con, anh L không quan tâm gì đến vợ con mà bỏ mặc chị muốn làm gì thì làm, hơn nữa trong cuộc sống thường ngày chị với anh L thường xuyên cãi vã, tranh luận gay gắt với nhau từ những việc nhỏ nhặt nhất, dẫn đến không khí trong

gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L1.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh L1 không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy anh L1 đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị B và chính quyền địa phương cũng xác nhận từ tháng 8/2024 đến nay chị B và anh L1 không còn chung sống với nhau, chị B đã về nhà bố mẹ để sống. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh L1 đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Chị B và anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Ái M, sinh ngày 05/11/2023.

Ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Xét yêu cầu của chị B thấy rằng: Cháu Nguyễn Ái M còn nhỏ, mới được 16 tháng tuổi, do đó cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện cháu M chị B vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị B vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh L1 không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của chị B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Vương Băng B được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ái M, sinh ngày 05/11/2023 cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị B.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Trương Vương Băng B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0008339 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã Chư Đăng Ya;
- Đương sự;
- Luu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa